

Bản án số: **376/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 09 – 12 - 2022

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Hương
2. Ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc Yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hai người về chung sống tại thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cho đến nay. Cuộc sống chung của hai người chỉ hạnh phúc được một vài năm đầu. Đến năm 1998 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ thường theo bạn bè chơi bởi rượu chè, không tu chí làm ăn, về nhà thường xuyên chửi bới đánh đập vợ con. Ông Đ thường xuyên đánh đập, ngược đãi bà,

bà đã nhiều lần nhờ chính quyền thôn, xã can thiệp, ông Đ có hứa sẽ sửa chữa, thay đổi nhưng sau đó vẫn chứng nào tật ấy. Lần gần nhất vào tháng 5/2022, ông Đ đánh bà dẫn đến việc bà phải đi điều trị tại Bệnh viện. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lâm Văn Đ để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới, giải thoát cho bà tránh khỏi cảnh bạo lực gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Lâm Văn Đ có 03 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 11/11/1995; Lâm Thị N, sinh ngày 04/10/1997 và Lâm Văn X, sinh ngày 20/02/2000. Hiện nay cả ba con chung của bà và ông Đ đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông Lâm Văn Đ có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Bà xác định trong quá trình chung sống bà và ông Đ không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hai người về chung sống tại thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cho đến nay. Cuộc sống chung của hai người chỉ hạnh phúc được một vài năm đầu sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn, xã can thiệp nhưng mâu thuẫn giữa ông và bà D vẫn không thể hóa giải nên bà D đã bỏ đi làm ăn xa không về nhà từ tháng 5/2022 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà D có 03 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 11/11/1995; Lâm Thị N, sinh ngày 04/10/1997 và Lâm Văn X, sinh ngày 20/02/2000. Hiện nay cả ba con chung của ông và bà D đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông và bà D có một số tài sản nhưng tự thống nhất phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà D và ông Đ cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian

gần đây bà D và ông Đ phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn, xã can thiệp, giải quyết nhưng hai người vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn. Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống bà D và ông Đ có 03 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 11/11/1995; Lâm Thị N, sinh ngày 04/10/1997 và Lâm Văn X, sinh ngày 20/02/2000. Các con của bà D, ông Đ đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường tâm thần, thể chất, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân; về tài sản thì quá trình chung sống bà D và ông Đ có nhà ở và đất canh tác tại thôn K, xã L nhưng cụ thể các tài sản trên như thế nào thì địa phương không nắm được. Theo địa phương nắm được thì giữa bà D và ông Đ không có vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ.

+ Về con chung: Do các đương sự đều xác định các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không đề nghị HĐXX xem xét.

+ Về tài sản, đất đai chung: Do các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho bà Dưng do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lâm Văn Đ, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lâm Văn Đ có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ chung sống như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa bà D và ông Đ ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Bà D xác định không còn tình cảm với ông Đ nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà D và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ có 03 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 11/11/1995; Lâm Thị N, sinh ngày 04/10/1997 và Lâm Văn X, sinh ngày 20/02/2000. Hiện nay cả ba con chung của ông, bà đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn bà Đặng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn ông Lâm Văn Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị D và ông Lâm Văn Đ.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị đơn ông Lâm Văn Đ không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã L, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San